

**SAFETY DATA SUMMARY**
TÓM TẮT DỮ LIỆU AN TOÀN

SIHE V388 Curing Agent

Chất đóng rắn SIHE V388

IMPORTANT / QUAN TRỌNG

This is an SIHE-branded safety summary and SDS companion. It is not a legally issued regulatory SDS and must not be used as the sole document for transport, workplace compliance or emergency response. Request the current Vietnam-market SDS from SIHE before purchase, shipment or use.

Đây là tài liệu tóm tắt an toàn và tài liệu đi kèm SDS mang thương hiệu SIHE. Tài liệu không phải SDS pháp lý đã được phát hành và không được dùng làm tài liệu duy nhất cho vận chuyển, tuân thủ tại nơi làm việc hoặc ứng phó khẩn cấp. Hãy yêu cầu SDS hiện hành áp dụng cho thị trường Việt Nam từ SIHE trước khi mua, vận chuyển hoặc sử dụng.

Document / Tài liệu	Safety Data Summary / SDS Companion - bilingual
Document ID / Mã tài liệu	SIHE-SDSC-V388-ENVI-R1
Revision / Phiên bản	1.0
Issue date / Ngày ban hành	2026-08-11
Issued by / Đơn vị phát hành	Sihe International Composite Materials Co., Ltd.

1. Product and company identification / Nhận dạng hóa chất và thông tin nhà cung cấp

English	Tiếng Việt
Product: SIHE V388 Curing Agent Recommended use: industrial curing agent for compatible unsaturated polyester resin systems. Supplier contact: Sihe International Composite Materials Co., Ltd., Duong D2, Khu nha o TMDV, Binh Duong, Ho Chi Minh, Vietnam; +84 326051733; sales@sihecomposites.com. Emergency: contact local emergency services. The SIHE number is a commercial and technical contact and is not represented as a 24-hour emergency response service.	Sản phẩm: Chất đóng rắn SIHE V388 Mục đích sử dụng: chất đóng rắn công nghiệp cho hệ nhựa polyester không no tương thích. Liên hệ nhà cung cấp: Sihe International Composite Materials Co., Ltd., Duong D2, Khu nha o TMDV, Binh Duong, Ho Chi Minh, Vietnam; +84 326051733; sales@sihecomposites.com. Khẩn cấp: liên hệ dịch vụ khẩn cấp tại địa phương. Số SIHE là liên hệ thương mại và kỹ thuật, không được công bố là dịch vụ ứng phó khẩn cấp 24 giờ.

2. Hazard identification / Nhận dạng đặc tính nguy hiểm

GHS classification - English	Phân loại GHS - Tiếng Việt
------------------------------	----------------------------

- Flammable liquid - Category 3 - Organic peroxide - Type D - Acute toxicity - Oral Category 4; Inhalation Category 4; Dermal Category 5 - Skin corrosion - Category 1B; serious eye damage - Category 1 - Acute aquatic hazard - Category 2	- Chất lỏng dễ cháy - Cấp 3 - Peroxyt hữu cơ - Kiểu D - Độc cấp tính - Đường miệng Cấp 4; hít phải Cấp 4; da Cấp 5 - Ăn mòn da - Cấp 1B; tổn thương mắt nghiêm trọng - Cấp 1 - Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh - Cấp 2
H226 Flammable liquid and vapour. H242 Heating may cause a fire. H302 + H332 Harmful if swallowed or if inhaled. H313 May be harmful in contact with skin. H314 Causes severe skin burns and eye damage. H401 Toxic to aquatic life.	H226 Hơi và chất lỏng dễ cháy. H242 Gia nhiệt có thể gây cháy. H302 + H332 Có hại nếu nuốt phải hoặc hít phải. H313 Có thể có hại khi tiếp xúc với da. H314 Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt. H401 Độc đối với sinh vật thủy sinh.

3. Composition / Thành phần

Chemical name / Tên hóa học	CAS	Concentration / Nồng độ
Methyl ethyl ketone peroxide	1338-23-4	35-45%
Dimethyl phthalate	131-11-3	20-45%
Diethylene glycol	111-46-6	10-19%
Methyl ethyl ketone	78-93-3	3-7%
Hydrogen peroxide solution	7722-84-1	1-5%

4. First-aid measures / Biện pháp sơ cứu

English	Tiếng Việt
Immediate medical attention is required. Inhalation: move to fresh air and obtain medical advice after significant exposure. Skin: remove contaminated clothing and rinse immediately with plenty of water; obtain urgent treatment. Eyes: rinse continuously with water, remove contact lenses if easy, and obtain immediate medical attention. Swallowed: rinse mouth, do not induce vomiting, never give anything by mouth to an unconscious person, and transport to hospital.	Cần chăm sóc y tế ngay lập tức. Hít phải: đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và xin tư vấn y tế sau khi phơi nhiễm đáng kể. Da: cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn, rửa ngay bằng nhiều nước và điều trị khẩn cấp. Mắt: rửa liên tục bằng nước, tháo kính áp tròng nếu dễ thực hiện và đến cơ sở y tế ngay. Nuốt phải: súc miệng, không gây nôn, không cho người bất tỉnh ăn uống và đưa ngay đến bệnh viện.

5. Firefighting measures / Biện pháp xử lý hỏa hoạn

English	Tiếng Việt
Suitable media: water spray, alcohol-resistant foam, dry chemical or carbon dioxide. Reignition may occur and the product supports combustion. Cool unopened containers with water spray. Prevent contaminated firefighting water from entering drains. Firefighters require self-contained breathing apparatus.	Phương tiện phù hợp: tia nước, bọt chịu cồn, hóa chất khô hoặc carbon dioxide. Có thể tái cháy và sản phẩm hỗ trợ quá trình cháy. Làm mát thùng chưa mở bằng tia nước. Không để nước chữa cháy nhiễm bẩn đi vào cống. Nhân viên chữa cháy cần thiết bị thở độc lập.

6. Accidental release measures / Biện pháp ứng phó khi tràn đổ

English	Tiếng Việt
---------	------------

Evacuate non-essential personnel, remove ignition sources, ventilate and use suitable PPE and respiratory protection. Prevent entry to drains and the environment. Absorb only with inert inorganic material such as vermiculite or perlite, keep the absorbed mixture wetted with water, avoid confinement and dispose as hazardous waste. Never return spilled material to the original container.

Sơ tán người không cần thiết, loại bỏ nguồn cháy, thông gió và sử dụng PPE cùng bảo vệ hô hấp phù hợp. Ngăn sản phẩm vào cống và môi trường. Chỉ hấp thụ bằng vật liệu vô cơ trơ như vermiculite hoặc perlite, giữ hỗn hợp đã hấp thụ ẩm bằng nước, tránh giam kín và xử lý như chất thải nguy hại. Không đưa vật liệu tràn đổ trở lại thùng gốc.

7. Handling and storage / Sử dụng và bảo quản

English	Tiếng Việt
Use explosion-protected equipment and non-sparking tools. Keep away from heat, ignition, combustible materials, reducing agents, acids, alkalis, rust and heavy-metal compounds. Do not cut or weld the container. Open carefully in a well-ventilated area. Store locked, separately and only in the original container. Do not mix organic peroxide directly with cobalt accelerator.	Sử dụng thiết bị chống cháy nổ và dụng cụ không phát tia lửa. Cách xa nhiệt, nguồn cháy, vật liệu dễ cháy, chất khử, axit, kiềm, rỉ sét và hợp chất kim loại nặng. Không cắt hoặc hàn thùng chứa. Mở thùng cẩn thận tại nơi thông gió tốt. Bảo quản có khóa, riêng biệt và chỉ trong bao bì gốc. Không trộn trực tiếp peroxide hữu cơ với chất xúc tiến cobalt.

8. Exposure controls and personal protection / Kiểm soát phơi nhiễm và bảo hộ cá nhân

English	Tiếng Việt
Use effective explosion-protected exhaust ventilation. Keep eyewash and safety showers near the work area. Where vapour or aerosol may form, use an approved respirator with filter type A. Wear suitable neoprene, nitrile or butyl-rubber gloves, protective clothing, chemical goggles and face protection. Confirm glove breakthrough performance with the glove supplier.	Sử dụng thông gió hút hiệu quả có bảo vệ chống cháy nổ. Bố trí trạm rửa mắt và vòi tắm an toàn gần khu vực làm việc. Khi có thể tạo hơi hoặc aerosol, sử dụng mặt nạ được phê duyệt với bộ lọc loại A. Mang găng neoprene, nitrile hoặc butyl phù hợp, quần áo bảo hộ, kính hóa chất và bảo vệ mặt. Xác nhận thời gian thấm của găng với nhà cung cấp găng.

9. Physical and chemical properties / Tính chất lý hóa

English	Tiếng Việt
Clear, colorless liquid with faint odour; relative density 1.12 at 20 C; partly miscible with water; flash point 37 C (closed cup); SADT 55 C.	Chất lỏng trong suốt, không màu, mùi nhẹ; khối lượng riêng tương đối 1,12 ở 20 C; tan một phần trong nước; điểm chớp cháy 37 C (cốc kín); SADT 55 C.

10. Stability and reactivity / Độ ổn định và khả năng phản ứng

English	Tiếng Việt
Stable under recommended storage conditions. Avoid confinement, heat, flame and sparks. Incompatible with acids, bases, iron, copper, reducing agents, heavy metals and rust. Contact with incompatible substances can trigger decomposition below the SADT. Product SADT: 55 C.	Ổn định trong điều kiện lưu trữ khuyến nghị. Tránh giam kín, nhiệt, lửa và tia lửa. Không tương thích với axit, bazơ, sắt, đồng, chất khử, kim loại nặng và rỉ sét. Tiếp xúc với chất không tương thích có thể gây phân hủy dưới SADT. SADT của sản phẩm: 55 C.

11. Toxicological information / Thông tin độc tính

English	Tiếng Việt
---------	------------

Harmful if swallowed or inhaled and may be harmful in contact with skin. Causes severe skin burns and serious eye damage. Effects and symptoms are consistent with the hazard classifications in Section 2. Seek immediate medical treatment after significant exposure.

Có hại nếu nuốt phải hoặc hít phải và có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt nghiêm trọng. Ảnh hưởng và triệu chứng phù hợp với phân loại nguy hiểm tại Mục 2. Tìm kiếm điều trị y tế ngay sau phơi nhiễm đáng kể.

12. Ecological information / Thông tin sinh thái

English	Tiếng Việt
Classified as an acute aquatic hazard. Avoid release to the environment, drains, watercourses and soil. Ecotoxicological values and component-level persistence data must be taken from the current regulatory SDS.	Được phân loại là nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh. Tránh thải ra môi trường, cống, nguồn nước và đất. Các giá trị độc tính sinh thái và dữ liệu độ bền của từng thành phần phải được lấy từ SDS pháp lý hiện hành.

13. Disposal considerations / Xử lý chất thải

English	Tiếng Việt
Dispose of product and container through a licensed hazardous-waste facility in accordance with local regulation. Do not discharge to drains, water or soil. Do not burn, cut or weld empty containers. Treat contaminated packaging as unused product and follow all warnings after emptying.	Xử lý sản phẩm và bao bì qua đơn vị chất thải nguy hại được cấp phép theo quy định địa phương. Không xả vào cống, nước hoặc đất. Không đốt, cắt hoặc hàn bao bì rỗng. Xử lý bao bì nhiễm bẩn như sản phẩm chưa sử dụng và tiếp tục tuân thủ cảnh báo sau khi làm rỗng.

14. Transport information / Thông tin vận chuyển

English	Tiếng Việt
UN 3105. Proper shipping name: ORGANIC PEROXIDE TYPE D, LIQUID (Methyl ethyl ketone peroxide, <=45%). Class 5.2. Packing group: not assigned by regulation. IMDG EmS: F-J, S-R. Marine pollutant: no. Classification may vary by mode, package size and local regulation; use the current transport SDS and shipping documentation.	UN 3105. Tên vận chuyển: PEROXYT HỮU CƠ KIỂU D, CHẤT LỎNG (Methyl ethyl ketone peroxide, <=45%). Cấp 5.2. Nhóm đóng gói: không được quy định. IMDG EmS: F-J, S-R. Chất ô nhiễm biển: không. Phân loại có thể thay đổi theo phương thức, kích thước bao bì và quy định địa phương; sử dụng SDS vận chuyển và chứng từ hiện hành.

15. Regulatory information / Thông tin pháp luật

English	Tiếng Việt
The source SDS is prepared for the Vietnam market and references applicable Vietnam chemical legislation and occupational exposure limits. This SIHE summary does not certify registration, inventory status or legal compliance. Confirm current obligations with the legally responsible supplier and competent authorities before placing the product on the market.	SDS nguồn được lập cho thị trường Việt Nam và viện dẫn pháp luật hóa chất cùng giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp áp dụng tại Việt Nam. Bản tóm tắt SIHE này không chứng nhận đăng ký, tình trạng danh mục hoặc tuân thủ pháp luật. Xác nhận nghĩa vụ hiện hành với nhà cung cấp chịu trách nhiệm pháp lý và cơ quan có thẩm quyền trước khi đưa sản phẩm ra thị trường.

16. Other information / Thông tin khác

English	Tiếng Việt
---------	------------

Document basis: Vietnam-market source SDS version 3.2, revision 2025-01-28. SIHE issue date: 2026-08-11. This summary is intended for preliminary product selection and safety orientation only. Request the current full Vietnam-market SDS through SIHE before purchase, shipment, storage or use.	Cơ sở tài liệu: Vietnam-market source SDS version 3.2, revision 2025-01-28. Ngày SIHE phát hành: 2026-08-11. Bản tóm tắt chỉ dùng để lựa chọn sơ bộ và định hướng an toàn. Yêu cầu SDS đầy đủ hiện hành áp dụng cho thị trường Việt Nam qua SIHE trước khi mua, vận chuyển, lưu trữ hoặc sử dụng.
--	---

Company / Công ty	Sihe International Composite Materials Co., Ltd.
Address / Địa chỉ	Duong D2, Khu nha o TMDV, Binh Duong, Ho Chi Minh, Vietnam
Commercial and technical line / Liên hệ thương mại và kỹ thuật	+84 326051733 (Zalo / WhatsApp)
Email	sales@sihecomposites.com
Website	https://sihecomposites.com